

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 195/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1826/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm.

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được cấp phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bảo hiểm).

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được cấp phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ).

2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được cấp phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ).

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm.

Điều 3. Mục đích đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm đánh giá, xếp loại và chủ động thực hiện các biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực tài chính, chất lượng quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro.

2. Bộ Tài chính giám sát việc doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này; thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo doanh nghiệp bảo hiểm và thị trường bảo hiểm hoạt động an toàn, lành mạnh và ổn định.

Điều 4. Đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm

1. Các chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm đánh giá theo các chỉ tiêu sau đây:

1.1. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ thực hiện việc đánh giá căn cứ vào Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và Bảng biên độ, cách tính điểm chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

1.2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện việc đánh giá căn cứ vào Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này và Bảng biên độ, cách tính điểm chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ theo hướng dẫn tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Biên độ và cách tính điểm chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm

2.1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ:

a) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về khả năng thanh toán, dự phòng nghiệp vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm được đánh giá trên cơ sở biên độ của từng chỉ tiêu;

b) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ (nếu có) của từng chỉ tiêu. Nhóm chỉ tiêu này có số điểm tối đa là 300 điểm, trong đó:

- Mức A: Số điểm từ 200 điểm đến 300 điểm.

- Mức B: Số điểm dưới 200 điểm.

c) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về vốn, chất lượng tài sản và đầu tư tài chính được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ (nếu có) của từng chỉ tiêu. Nhóm chỉ tiêu này có số điểm tối đa là 500 điểm, trong đó:

- Mức A: Số điểm từ 400 điểm đến 500 điểm.

- Mức B: Số điểm dưới 400 điểm.

d) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về quản trị doanh nghiệp và minh bạch thông tin được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ (nếu có) của từng chỉ tiêu. Nhóm chỉ tiêu này có số điểm tối đa là 200 điểm, trong đó:

- Mức A: Số điểm từ 100 điểm đến 200 điểm.

- Mức B: Số điểm dưới 100 điểm.

2.2. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ:

a) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về khả năng thanh toán và dự phòng nghiệp vụ được đánh giá trên cơ sở biên độ của từng chỉ tiêu.

b) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ (nếu có) của từng chỉ tiêu. Nhóm chỉ tiêu này có số điểm tối đa là 300 điểm, trong đó:

- Mức A: Số điểm từ 250 điểm đến 300 điểm.

- Mức B: Số điểm từ 200 điểm đến dưới 250 điểm.

- Mức C: Số điểm từ 100 điểm đến dưới 200 điểm.

- Mức D: Số điểm dưới 100 điểm.

c) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về vốn, chất lượng tài sản và hiệu quả hoạt động được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ (nếu có) của từng chỉ tiêu. Nhóm chỉ tiêu này có số điểm tối đa là 500 điểm, trong đó:

- Mức A: Số điểm từ 450 đến 500 điểm.

- Mức B: Số điểm từ 350 điểm đến dưới 450 điểm.

- Mức C: Số điểm từ 250 điểm đến dưới 350 điểm.

- Mức D: Số điểm dưới 250 điểm.

d) Nhóm chỉ tiêu đánh giá về quản trị doanh nghiệp và minh bạch thông tin được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ (nếu có) của từng chỉ tiêu. Nhóm chỉ tiêu này có số điểm tối đa là 200 điểm, trong đó:

- Mức A: Số điểm từ 150 điểm đến 200 điểm.

- Mức B: Số điểm từ 100 điểm đến dưới 150 điểm.

- Mức C: Số điểm từ 50 điểm đến dưới 100 điểm.

- Mức D: Số điểm dưới 50 điểm.

Điều 5. Xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm

Căn cứ vào kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xếp loại như sau:

1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ:

1.1. Nhóm 1: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, có lãi hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc trong hai (02) năm liên tục, trong đó:

a) Nhóm 1A: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, có lãi hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc trong hai (02) năm liên tục; có tổng số điểm của các nhóm chỉ tiêu đạt trên 700 điểm và tất cả các nhóm chỉ tiêu xếp mức A;

b) Nhóm 1B: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, có lãi hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc trong hai (02) năm liên tục; có tổng số điểm của các nhóm chỉ tiêu từ 700 điểm trở xuống.

1.2. Nhóm 2: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, không có lãi hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc trong hai (02) năm liên tục, trong đó:

a) Nhóm 2A: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, không có lãi hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc trong hai (02) năm liên tục, có tổng số điểm của các nhóm chỉ tiêu đạt trên 700 điểm, tất cả các nhóm chỉ tiêu xếp mức A.

b) Nhóm 2B: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, không có lãi hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc trong hai (02) năm liên tục, có tổng số điểm của các nhóm chỉ tiêu từ 700 điểm trở xuống.

1.3. Nhóm 3: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có nguy cơ không đảm bảo khả năng thanh toán, bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có chỉ tiêu tỷ lệ biên khả năng thanh toán không bảo đảm biên độ hoặc chỉ tiêu trích lập dự phòng nghiệp vụ không đáp ứng theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

1.4. Nhóm 4: doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ mất khả năng thanh toán, bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ xếp loại vào nhóm 3 và không khôi phục được khả năng thanh toán theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

2. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ:

2.1. Nhóm 1: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, trong đó:

a) Nhóm 1A: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, có tổng số điểm của các nhóm chỉ tiêu đạt từ 850 điểm trở lên, tất cả các nhóm chỉ tiêu xếp mức A.

b) Nhóm 1B: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, có tổng số điểm của các nhóm chỉ tiêu đạt từ 650 điểm đến dưới 850 điểm, có tối thiểu một (01) nhóm chỉ tiêu xếp mức B và không có nhóm chỉ tiêu nào xếp mức C hoặc D;

c) Nhóm 1C: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, có tổng số điểm của các nhóm chỉ tiêu đạt từ 400 điểm đến dưới 650 điểm, có tối thiểu một (01) nhóm chỉ tiêu xếp mức C và không có nhóm chỉ tiêu nào xếp mức D;

d) Nhóm 1D: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đảm bảo khả năng thanh toán, không được xếp loại nhóm 1A hoặc 1B hoặc 1C.

2.2. Nhóm 2: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không thực hiện xếp loại nhóm 2 theo quy định tại tiết iii điểm a Khoản 5 Mục III Quyết định số 1826/QĐ-TTg.

2.3. Nhóm 3: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có nguy cơ không đảm bảo khả năng thanh toán, bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có chỉ tiêu tỷ lệ biên khả năng thanh toán không bảo đảm biên độ hoặc chỉ tiêu trích lập dự phòng nghiệp vụ không đáp ứng theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

2.4. Nhóm 4: doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ mất khả năng thanh toán, bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ xếp loại vào nhóm 3 và không khôi phục được khả năng thanh toán theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Điều 6. Các biện pháp thực hiện

1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm:

1.1. Chủ động thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm biên độ, điểm tối đa (nếu có) của từng chỉ tiêu:

a) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ: Trường hợp không bảo đảm biên độ, điểm tối đa (nếu có) của từng chỉ tiêu theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật;

b) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ: Trường hợp không bảo đảm biên độ, điểm tối đa (nếu có) của từng chỉ tiêu theo hướng dẫn tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này và các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật.

1.2. Báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

1.3. Thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của Bộ Tài chính quy định tại Khoản 2 Điều này.